

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN
NĂM HỌC: 2023 - 2024

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm			
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			370	40	10,81	147	39,73	179	48,38	4	1,08	199	53,78	160	43,24	11	2,97	0	0	2	0,54	38	10,27
1	Khối 6		145	16	11,03	61	42,07	66	45,52	2	1,38	80	55,17	62	42,76	3	2,07	0	0	1	0,69	15	10,34
1.1	6A	Nguyễn Thị Mai Anh	37	6	16,22	14	37,84	15	40,54	2	5,41	21	56,76	14	37,84	2	5,41	0	0	1	2,7	5	13,51
1.2	6B	Vũ Duyên Hạnh	36	2	5,56	14	38,89	20	55,56	0	0	17	47,22	19	52,78	0	0	0	0	0	0	2	5,56
1.3	6C	Điệp Thị Thùy Linh	36	4	11,11	18	50	14	38,89	0	0	24	66,67	12	33,33	0	0	0	0	0	0	4	11,11
1.4	6D	Nguyễn Thị Thu Thùy	36	4	11,11	15	41,67	17	47,22	0	0	18	50	17	47,22	1	2,78	0	0	0	0	4	11,11
2	Khối 7		141	13	9,22	54	38,3	74	52,48	0	0	73	51,77	63	44,68	5	3,55	0	0	0	0	13	9,22
2.1	7A	Nguyễn Thị Như Trang	35	2	5,71	17	48,57	16	45,71	0	0	19	54,29	14	40	2	5,71	0	0	0	0	2	5,71
2.2	7B	Hoàng Thị Kiên	35	3	8,57	9	25,71	23	65,71	0	0	13	37,14	20	57,14	2	5,71	0	0	0	0	3	8,57
2.3	7C	Nguyễn Thị Thoa	36	4	11,11	12	33,33	20	55,56	0	0	18	50	17	47,22	1	2,78	0	0	0	0	4	11,11
2.4	7D	Vũ Thị Vân	35	4	11,43	16	45,71	15	42,86	0	0	23	65,71	12	34,29	0	0	0	0	0	0	4	11,43
3	Khối 8		84	11	13,1	32	38,1	39	46,43	2	2,38	46	54,76	35	41,67	3	3,57	0	0	1	1,19	10	11,9
3.1	8A	Hoàng Thị Hạnh	43	7	16,28	13	30,23	23	53,49	0	0	21	48,84	21	48,84	1	2,33	0	0	1	2,33	6	13,95
3.2	8B	Trần Hương Thảo	41	4	9,76	19	46,34	16	39,02	2	4,88	25	60,98	14	34,15	2	4,88	0	0	0	0	4	9,76

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

Thị xã Quảng Yên, ngày 4 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Mơ